

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 105/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-08-2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hùng

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 254/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06/05/2022 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/07/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2022/QĐST-DS, ngày 29/07/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Bạch Minh K**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/05/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bạch Minh K trình bày:*

Vào năm 2000 qua quen biết anh và chị Trần Thị T có tiến tới hôn nhân, có làm lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 20/12/2001.

Sau khi kết hôn thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, chị T bỏ nhà ra đi không có

sự đồng ý của anh. Do vậy vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2015 cho đến nay. Mặc dù đã nhiều lần liên hệ để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 con chung là Bạch Kim N, sinh năm 2000, Bạch Thị Thảo N1, sinh năm 2008. Khi ly hôn anh giao cháu Bạch Thị Thảo N1 cho chị T nuôi dưỡng vì hiện con đang sống với chị T, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000đ từ khi đưa vụ án ra xét xử cho đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng cháu Bạch Kim Ngân đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 13/06/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị T trình bày:*

Vào năm 2000 qua quen biết chị và anh Bạch Minh K có tiến tới hôn nhân, có làm lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 20/12/2001.

Sau khi kết hôn thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến, anh K có tình cảm với người phụ nữ khác, nên không lo cho gia đình. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị đi làm để kiếm tiền và có gửi tiền về cho mẹ chồng mỗi tháng 2.000.000đ để nuôi con. Do vậy vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý ly hôn với anh Bạch Minh K.

Về con chung: Có 02 con chung là Bạch Kim N, sinh năm 2000, Bạch Thị Thảo N1, sinh năm 2008, hiện con đang sống với chị T. Khi ly hôn chị đồng ý nuôi cháu Bạch Thị Thảo Ngân, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2022 là 96 tháng từ (1/2014 đến 1/2022) với số tiền 71.000.000đ và tiếp tục cấp dưỡng từ khi đưa vụ án ra xét xử cho đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng cháu Bạch Kim N đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có phần đất do cha mẹ chồng cho là 500m² và căn nhà xây dựng năm 2014 với số tiền 16.000.000đ, nên khi ly hôn yêu cầu được hưởng 250m² và yêu cầu anh K trả số tiền 16.000.000đ, nếu anh K cấp dưỡng theo yêu cầu của chị thì chị không yêu cầu chia tài sản. Hiện phần đất giá trị khoảng 300.000.000đ.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bạch Minh K trình bày: Anh vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị T. Về con chung: Có 02 con chung là Bạch Kim N, sinh năm 2000, Bạch Thị Thảo N1, sinh năm 2008. Khi ly hôn anh giao cháu Bạch Thị Thảo N1 cho chị T nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000đ từ khi đưa vụ án ra xét xử cho đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng cháu Bạch Kim N đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật, việc thụ lý vụ án và thu thập tài liệu, chứng cứ, tổng đạt thông báo cho các đương sự đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có mặt là chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa anh Bạch Minh K và chị Trần Thị T.

- *Về con chung:* Giao cháu Bạch Thị Thảo N1, sinh năm 2008 cho chị Trần Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu. Riêng cháu Bạch Kim N, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Anh Bạch Minh K được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bạch Minh K là cấp dưỡng nuôi cháu Bạch Thị Thảo N1, sinh năm 2008, mỗi tháng 745.000đ từ khi đưa vụ án ra xét xử (ngày 11/07/2022) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ về việc xin ly hôn và 300.000đ về án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn anh Bạch Minh K khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con*”; bị đơn chị Trần Thị T cư trú tại xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về pháp luật nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Qua quen biết anh K và chị T có tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 20/12/2001, do đó hôn nhân của anh K và chị T là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Anh Bạch Minh K trình bày: Sau khi kết hôn thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, chị T bỏ nhà ra đi không có sự đồng ý của anh. Do vậy vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2015 cho đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị T.

Chị Trần Thị T trình bày: Sau khi kết hôn thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến, anh K có tình cảm với người phụ nữ khác, nên không lo cho gia đình. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị đi làm để kiếm tiền và có gửi tiền về cho mẹ chồng mỗi tháng 2.000.000đ để nuôi con. Do vậy vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý ly hôn với anh Bạch Minh K.

Xét thấy, anh K yêu cầu ly hôn, chị T cũng đồng ý. Tuy nhiên về cấp dưỡng nuôi con, chị T yêu cầu anh K cấp dưỡng và yêu cầu chia tài sản chung. Anh K chỉ đồng ý cấp

đưỡng nuôi con, không yêu cầu chia tài sản chung. Theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi: *“Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn”*. Như vậy, các bên chưa thỏa thuận được về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung. Tòa án đã thông báo cho bị đơn để làm thủ tục yêu cầu phản tố về tài sản, yêu cầu cấp dưỡng nhưng đã hết thời hạn, bị đơn vẫn chưa hoàn tất thủ tục và tạm ứng án phí. Tòa án đã ghi lời Ki chi T thì chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Xét thấy, hiện tại vợ chồng anh K, chị T đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“... Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

[2]. Về con chung của vợ chồng: Anh K và chị T có 02 con chung là Bạch Kim N, sinh năm 2000, Bạch Thị Thảo N1, sinh năm 2008.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Chị Trần Thị T là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; anh Bạch Minh K cũng đồng ý để cháu Bạch Thị Thảo N1 cho chị T nuôi dưỡng.

Hiện tại chị Trần Thị T đang nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và cháu Ngân có nguyện vọng muốn sống chung với chị T. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Bạch Minh K là giao cháu

Bạch Thị Thảo N1, sinh năm 2008 cho chị Trần Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Riêng cháu Bạch Kim N, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Chị Trần Thị T nuôi con phải có nghĩa vụ tạo điều kiện, không cản trở anh Bạch Minh K thực hiện quyền, nghĩa vụ của người cha là được thăm nom, chăm sóc con chung, nhằm giúp cho con chung của chị T và anh K được hỗ trợ về vật chất lẫn tinh thần giúp cháu phát triển, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị T yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2022 là 96 tháng từ (1/2014 đến 1/2022) với số tiền 71.000.000đ và tiếp tục cấp dưỡng từ khi đưa vụ án ra xét xử cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Bạch Minh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Bạch Thị Thảo N1, sinh năm 2008 từ khi đưa vụ án ra xét xử cho đến khi con đủ 18 tuổi, mỗi tháng 745.000đ.

Xét thấy, chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khoảng thời gian trước đây từ năm 2013 đến 1/2022 nhưng pháp luật không có quy định vợ chồng có nghĩa vụ thanh toán cho nhau chi phí nuôi con bỏ ra trước đây nên không có căn cứ xem xét yêu cầu của chị T. Do đó Hội đồng xét xử chỉ ghi nhận là anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000đ, từ khi đưa vụ án ra xét xử ngày 11/07/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4]. *Về tài sản chung của vợ chồng*: Anh Bạch Minh K Ki không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Trần Thị T có yêu cầu chia tài sản chung. Theo khoản 1, Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn...*” và Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “*Thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập được thực hiện theo quy định của Bộ luật này về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn*”.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị T yêu cầu giải quyết tài sản chung, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu chị T cung cấp tài liệu, chứng cứ và nộp tiền tạm ứng án phí để Tòa án thụ lý yêu cầu tài sản chung nhưng chị T không nộp tiền theo quy định và trong bản Ki ngày 01/07/2022 thì chị T trình bày đề vợ chồng tự giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung của anh K và chị T trong vụ án này, nếu có yêu cầu thì xem xét giải quyết trong một vụ án khác.

[5]. *Về nợ chung của vợ chồng*: Anh Bạch Minh K và chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 200, 202, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của anh Bạch Minh K được ly hôn với chị Trần Thị T.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Bạch Thị Thảo N1, sinh năm 2008 cho chị Trần Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu. Riêng cháu Bạch Kim N, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Anh Bạch Minh K được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Bạch Minh K phải cấp dưỡng nuôi cháu Bạch Thị Thảo N1, sinh năm 2008 mỗi tháng 745.000đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 11/07/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra giải quyết, do không có yêu cầu.

[5]. *Về án phí*: Anh Bạch Minh K phải nộp án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N_Q 0010745 ngày 06/05/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, nên anh Bạch Minh K còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mới đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- UBND xã B, huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo